

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUYÊN HOÁ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 08 /2024/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: bà Cao Mỹ Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST - HNGĐ ngày 11/01/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-DS ngày 28/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST - HNGĐ ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Trần Thanh B** - Sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: **thôn T, xã T, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: chị **Trần Thị Lệ T** - Sinh năm: 1992; Nơi ĐKNKTT: **thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**, (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/01/2024 và bản tự khai ngày 01/02/2024, nguyên đơn anh **Trần Thanh B** trình bày: Anh và chị **Trần Thị Lệ T** tìm hiểu và đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** vào ngày 28/9/2017. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với gia đình nội ở **thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

là chị **T** bỏ đi theo người khác, không quan tâm đến gia đình, chị **T** bỏ đi từ ngày 01/01/2018 cho đến nay không liên lạc gì với anh **B**, giữa vợ chồng không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên anh có nguyện vọng xin được ly hôn với chị **T**.

Về con chung của vợ chồng: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của anh **Trần Thanh B** và tiến hành triệu tập các bên đương sự đến tại trụ sở Tòa án để giải quyết, nhưng chỉ có mặt anh **B** còn chị **Trần Thị Lệ T** vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của chị **T** và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 28/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã triệu tập chị **Trần Thị Lệ T** đến tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình để làm việc. Tuy nhiên chị **T** vắng mặt, chỉ có mẹ ruột của chị **T** là bà **Nguyễn Thị H** có mặt. Qua kết quả xác minh bà **Nguyễn Thị H** cho biết anh **B** và chị **T** tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 28/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nội tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, bà nghe chị **T** (con gái) kể lại là mâu thuẫn với chồng và gia đình nội nên chị **T** về sinh sống với gia đình ngoại từ đó đến nay. Theo bà **H** vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh **B** làm đơn thì chị **T** và gia đình cũng đồng ý. Gia đình đã nhận đầy đủ các giấy triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo cho chị **T**, trong dịp tết nguyên đán năm 2024, chị **T** về ăn tết với gia đình và biết lịch làm việc của Tòa án về việc ly hôn của vợ, chồng, nhưng do điều kiện công việc nên không thể ở nhà để đến tòa án giải quyết, và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về con chung của vợ chồng bà **Nguyễn Thị H** cho biết vợ, chồng anh **B** và chị **T** chưa có con chung với nhau, về tài sản và công nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự, quá trình giải quyết anh **Trần Thanh B** đều có mặt theo giấy triệu tập và thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, còn chị **Trần Thị Lệ T** vắng mặt, Tòa án đã tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh **Trần Thanh B** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn chị **Trần Thị Lệ T** vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh **Trần Thanh B** và chị **Trần Thị Lệ T**. Về quan hệ hôn nhân đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh **Trần Thanh B** được ly hôn chị **Trần Thị Lệ T**. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng anh **B** khai không có, nên

đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Anh **Trần Thanh B** phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh **Trần Thanh B** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với chị **Trần Thị Lệ T**, chị **T** có hộ khẩu thường trú tại **xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**, nên xác định đây là tranh chấp “ly hôn”, tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh **Trần Thanh B** có đơn xin xét xử vắng mặt, chị **Trần Thị Lệ T** vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh **Trần Thanh B** và chị **Trần Thị Lệ T** là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa anh **B** và chị **T** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Anh **B** xin ly hôn với chị **T** vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy sau khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với chị **T** đến Tòa án và trụ sở ủy ban **xã M, huyện T**, nơi chị **T** đăng ký hộ khẩu thường trú để giải quyết, nhưng chị **T** đều vắng mặt. Qua kết quả xác minh, thể hiện các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt đầy đủ, có lần chị **T** đã trực tiếp nhận, có lần do mẹ đẻ chị **T** nhận và thông báo cho chị **T** biết, nhưng chị **T** vẫn không có mặt, không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó chứng tỏ chị **T** không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy việc anh **B** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị **T** là có cơ sở, nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh **Trần Thanh B** được ly hôn với chị **Trần Thị Lệ T**.

[3] Về con chung của vợ chồng: Anh **Trần Thanh B** thừa nhận vợ chồng không có con chung với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh **Trần Thanh B** trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Trần Thanh B** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử vắng mặt anh **Trần Thanh B** và chị **Trần Thị Lệ T**.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Trần Thanh B** ly hôn chị **Trần Thị Lệ T**.
3. Về án phí ly hôn: Anh **Trần Thanh B** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000016 ngày 11/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy anh **B** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã Mai Hoá
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Hữu Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Lợi Trần Thị Phúc T1

Phạm Hữu T2

